

CHỦ ĐỀ ĐỒNG TÍNH TRONG ĐIỆN ẢNH CHÂU Á NHÌN TỪ CÁC MỐI QUAN HỆ TƯƠNG TÁC

Lê Thanh Ngân¹, Hồ Tiểu Ngọc^{2*}

TÓM TẮT

Đồng tính là một vấn đề nhạy cảm ở châu Á, nơi những quan niệm truyền thống về giới còn nặng nề, khiến việc công khai bản dạng và tình yêu đồng giới thường bị kỳ thị. Tuy nhiên, cùng với sự phát triển của công nghệ số, tiếng nói của cộng đồng đồng tính ngày càng dễ dàng tiếp cận công chúng và được đón nhận tích cực hơn. Điện ảnh trở thành phương tiện quan trọng phản ánh nỗi đau, khát vọng được sống, được yêu và được thừa nhận, đồng thời góp phần cho thấy sự thay đổi thái độ trong xã hội. Bài viết khảo sát một số phim châu Á về chủ đề đồng tính qua ba mối quan hệ tương tác chính: gia đình, xã hội và tình yêu. Phân tích cho thấy phần lớn tác phẩm vẫn khắc họa xung đột và định kiến, song đã xuất hiện nhiều biểu đạt tích cực hơn về sự thấu hiểu và chấp nhận. Từ đó, nghiên cứu góp phần làm rõ điều kiện xã hội - văn hóa ảnh hưởng đến khả năng “come out” và chỉ ra sự dịch chuyển từ mô-típ bi kịch sang các mô-típ khẳng định bản sắc và nhân phẩm.

Từ khóa: Điện ảnh, châu Á, đồng tính, lý thuyết giới, khuynh hướng tính dục, mối quan hệ tương tác

1. GIỚI THIỆU

Đồng tính là thuật ngữ chỉ những người có xu hướng tình dục hoặc tình cảm dành cho người cùng giới. Việc chấp nhận bản dạng giới (đồng tính) không chỉ là chấp nhận một khía cạnh tự nhiên của sự đa dạng trong cảm xúc mà còn liên quan đến việc xác lập quyền bình đẳng giới tính, quyền con người. Mọi cá nhân, bất kể có xu hướng tình dục hay bản dạng giới nào, đều có quyền được sống bình đẳng, tự do yêu đương, được tôn trọng và không bị phân biệt. Tuy vậy, trên thế giới, đặc biệt là ở châu Á, người đồng tính vẫn phải đối mặt với định kiến, kỳ thị và bạo lực, điều này gây ra ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm lý và chất lượng cuộc sống của họ. Những giá trị văn hóa, truyền thống và tôn giáo ở nhiều quốc gia châu Á chính là rào cản trong việc chấp nhận sự đa dạng về xu hướng tình dục.

Điện ảnh là bộ môn nghệ thuật đặc biệt, không chỉ hấp dẫn nhân loại bởi chức năng giải trí mà còn là một công cụ quan trọng trong việc thúc đẩy sự thay đổi xã hội và nâng cao nhận thức của con người. Chủ đề đồng tính đã được điện ảnh khai thác khá sớm từ phương Tây, và đã đạt những thành công đáng kể về việc chấp nhận bản dạng giới và quyền bình đẳng giới tính của con người. Trước những thành tựu đó, điện ảnh châu Á cũng bắt đầu có sự “vượt rào” về tư tưởng khi dám mạnh dạn khai thác chủ đề đồng tính nhạy cảm. Dù còn nhiều tranh cãi khi công chiếu, các bộ phim điện ảnh này cũng đã góp phần thay đổi định kiến tiêu cực về những người đồng tính, giúp xã hội châu Á có cái nhìn cởi mở và đồng cảm với những bất hạnh mà cộng đồng LGBTQ+ phải đối mặt. Tham luận tiến hành khai thác chủ đề đồng tính trong một số phim điện ảnh ra đời trong những năm gần đây ở châu Á nhìn từ các mối quan

¹ ThS, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Việt Nam.

² TS, Trường Đại học Sài Gòn, Việt Nam.

* Email: hngoc1993@sgu.edu.vn

hệ tương tác: xã hội, gia đình và tình yêu; qua đó, chỉ ra được bi kịch của người đồng tính và khát khao được chấp nhận, được tự do sống và yêu của họ trong xã hội hiện đại.

Bài viết sử dụng khái niệm “mối quan hệ tương tác” chỉ cấu hình quan hệ động giữa chủ thể đồng tính với gia đình, xã hội và tình yêu. “Tương tác” nhấn mạnh: (i) tính qua lại, (ii) sự biến đổi theo bối cảnh lịch sử - văn hóa, (iii) tác động đồng thời của nhiều tầng thiết chế (gia đình, nhà trường, tôn giáo, pháp lý, truyền thông...).

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1 Phương pháp liên ngành

Do tính chất quan hệ và giao nhau về nội hàm của đề tài nên chúng tôi vận dụng phương pháp và lý thuyết liên ngành như: Phân tâm học, Xã hội học, Văn hóa học, Diễn ngôn, Chủ nghĩa hiện sinh để hỗ trợ giải mã nội dung đồng tính trong một số phim điện ảnh châu Á chọn lọc từ góc nhìn lý thuyết giới và đồng tính.

2.2 Phương pháp phê bình điện ảnh

Đây được xem là phương pháp nghiên cứu chính của tham luận, nhằm tham chiếu lý thuyết của phương pháp này vào các bình diện nội dung của các phim điện ảnh châu Á để nghiên cứu đặc điểm đồng tính từ góc nhìn lý thuyết giới.

2.3 Phương pháp thống kê, phân loại

Phương pháp này nhằm đưa ra những luận chứng xác đáng, cụ thể cho các luận điểm trên cơ sở thống kê, đối lập, phân xuất các yếu tố tham gia cấu thành vấn đề đồng tính trong các phim điện ảnh châu Á.

2.4 Phương pháp so sánh, đối chiếu

Phương pháp này nhằm so sánh ý thức về bản dạng giới trong các phim điện ảnh châu Á nói riêng và so với mặt bằng chung thế giới nói chung.

3. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

3.1 Lý thuyết về giới và đồng tính

Giới tính và giới là hai khái niệm hoàn toàn khác biệt, nhưng chúng lại có mối liên hệ rất chặt chẽ. Trong khi giới tính đề cập đến sự khác biệt sinh học giữa nam và nữ, còn giới là một thuật ngữ chỉ các vai trò xã hội, hành vi và kỳ vọng liên quan đến hai giới: nam và nữ. Ngoài ra, khái niệm giới cũng có thể đề cập đến các mối quan hệ xã hội giữa nam và nữ, cũng như cách mà những mối quan hệ này được thiết lập trong các bối cảnh văn hóa và xã hội khác nhau (Nguyen Thi Thuan, Tran Xuan Ky, 2009).

Các hành vi khác nhau của nam và nữ đã được chứng minh là xuất phát từ các đặc điểm sinh học tự nhiên như hormone, sinh lý và nhiễm sắc thể. Tuy nhiên, những khác biệt này được cho là quy định vai trò của họ trong xã hội. Ở một số nền văn hóa, vai trò của nam và nữ được coi là ổn định dựa trên các đặc điểm sinh học của họ, đặc biệt là ở các nước châu Á, nơi vai trò và địa vị của nam giới cao hơn đáng kể so với nữ giới. Do đó, sự xuất hiện của các nền văn hóa nước ngoài đặt ra một mối đe dọa đối với sự ổn định này (Nghia, T. X, 2016).

Theo lý thuyết cấu trúc - chức năng, xã hội là một hệ thống có cấu trúc trong đó nam và nữ là những thành phần khác nhau tạo nên cấu trúc xã hội. Trong xã hội, nam và nữ đảm nhận những vai trò xã hội khác nhau: nam giới đóng vai trò lý trí, thiên về trí tuệ, trong khi nữ giới đóng vai trò cảm xúc, thiên về cảm xúc và nhạy cảm. Những vai trò này tạo ra một mẫu hình chung của các loại xã hội và là điều cần thiết để đảm bảo sự duy trì tồn tại và trật tự xã hội (Nguyen Thi Thuan, Tran Xuan Ky, 2009).

Đồng tính luyến ái được coi là trái với luật tự nhiên và làm suy yếu các chuẩn mực xã hội chung liên quan đến vai trò và hình ảnh của hai giới. Hình ảnh của những người đàn ông nữ tính, trang điểm và mặc trang phục nữ, hoặc những người phụ nữ mạnh mẽ, trở thành những điều bất thường trong các xã hội truyền thống ở các nước châu Á. Đặc biệt, nam giới và nữ giới gắn liền với các vai trò sinh sản, và khi số lượng các cặp đôi nam đồng giới gia tăng và phụ nữ "giải phóng" bản thân khỏi vai trò này, điều đó đe dọa khả năng sinh sản, tái tạo lực lượng lao động và duy trì lực lượng lao động cho xã hội.

Theo lý thuyết đồng tính, thực tế về bản sắc tình dục của con người phức tạp hơn nhiều so với sự phân chia nhị phân hiện tại giữa nam và nữ. Sự phân loại nhị phân này phản ánh một quan điểm hai chiều và không thể hiện sự đa dạng vốn có của cuộc sống. Bản sắc giới tính là cách mà một cá nhân nhận thức giới tính của chính mình, bất kể giới tính sinh học của họ. Bản sắc giới tính của một người có thể trùng khớp hoặc không trùng khớp với giới tính sinh học của họ. Vào những năm 1940, Alfred Kinsey và các đồng nghiệp của ông đã chỉ ra rằng khuynh hướng tình dục có thể được chia thành bảy loại, từ hoàn toàn dị tính đến hoàn toàn đồng tính, với song tính là điểm giữa. Phải đến năm 1960, thuật ngữ "bản dạng giới" mới được đặt ra vào năm 1964 bởi Robert J. Stoller. Biểu hiện giới là cách mà cá nhân được thể hiện xu hướng bản dạng giới của mình ra bên ngoài qua trang phục, hành vi và giao tiếp. Khuynh hướng tình dục được xác định dựa trên bản dạng giới và đối tượng của sự thu hút tình dục, và được phân loại thành ba loại cơ bản: (1) người dị tính là người (nam hoặc nữ) có sự thu hút tình cảm, lãng mạn hoặc tình dục đối với ai đó khác giới, (2) người đồng tính là người (nam hoặc nữ) có sự thu hút tình cảm, lãng mạn hoặc tình dục đối với ai đó cùng giới, (3) người song tính là người (nam hoặc nữ) có sự thu hút về cảm xúc, lãng mạn hoặc tình dục đối với cả nam và nữ, nhưng không nhất thiết phải cùng một lúc hoặc bằng nhau. Song tính không phải là một giai đoạn tạm thời hay sự do dự mà là một bản dạng tình dục tự nhiên của con người (Phuong, P. Q, 2003).

Hai lý thuyết này thể hiện những mâu thuẫn rõ rệt trong quan điểm về giới tính và giới. Các khái niệm như bản dạng giới, biểu hiện giới và bản dạng tình dục có thể mâu thuẫn với các lý thuyết cấu trúc - chức năng nhấn mạnh sự ổn định xã hội bằng cách chỉ chấp nhận hai giới tính tồn tại: nữ và nam. Quan điểm truyền thống và bền vững của lý thuyết chức năng cấu trúc được phần lớn xã hội chấp nhận. Điều này có thể góp phần vào sự loại trừ của xã hội đối với cộng đồng LGBTQ+. Ngược lại, lý thuyết về sự đa dạng tình dục khẳng định rằng không chỉ có hai giới tính, nam và nữ, mà còn có nhiều bản dạng tình dục khác nhau, có thể được thể hiện hoặc không.

Cuộc tranh luận vẫn đang tiếp diễn, và hiện tại, ở một số quốc gia châu Á, có sự cởi mở và chấp nhận lớn hơn đối với sự đa dạng giới này.

3.2 Điện ảnh châu Á về chủ đề đồng tính nhìn từ các mối quan hệ tương tác

Theo khảo sát của GLAAD - tổ chức bảo vệ quyền bình đẳng cho cộng đồng LGBT, kể từ năm 2018, chủ đề đồng tính đã trở thành một đề tài được khai thác nhiều trong điện ảnh. Dựa vào lịch sử phát triển của điện ảnh, chủ đề đồng tính có ba xu hướng làm phim phổ biến: (1) Xây dựng hình ảnh người đồng tính một cách bệnh hoạn đầy màu sắc giễu cợt, phê phán để hạ bệ, gây cười; (2) Đưa ra các vấn đề về đồng tính trong mối quan hệ với chính trị, xã hội để đấu tranh, giải phóng người đồng tính khỏi cái nhìn lệch lạc, ác cảm, định kiến cổ hủ; (3) Đi sâu vào việc thể nghiệm những góc khuất thầm sâu trong nội tâm con người, những tình yêu đồng tính đầy chân thành, cảm động (Lê Quốc Hiếu, 2016). Trong tham luận này, người viết tập trung khai thác xu hướng thứ ba trong một số phim điện ảnh châu Á tiêu biểu về chủ đề đồng tính.

Ở châu Á, các nhà làm phim đã mở rộng biên độ phản ánh cuộc sống người đồng tính ở nhiều góc khuất của các mối quan hệ xã hội, gia đình và tình yêu để đồng cảm với thân phận “giới thứ ba” chưa được thừa nhận của họ. Qua sự tương tác trong các mối quan hệ kể trên, hành trình “tự thú” về bản dạng giới của người đồng tính được điện ảnh “sống động” hóa bằng ngôn ngữ, hành động, thái độ và cảm xúc chân thật. Những màn “come out” trong phim dù được chấp nhận hay bị chối bỏ từ gia đình, xã hội thì điện ảnh cũng đã thành công trong việc cất lên tiếng nói bênh vực người đồng tính, khẳng định tầm quan trọng của việc được sống là chính mình.

3.2.1 Nhìn từ mối quan hệ gia đình

Gia đình là môi trường quan trọng trong việc xây dựng nhân cách và định hình bản dạng giới của mỗi cá thể. Theo Sigmund Freud - ông tổ của Phân tâm học, trải nghiệm âu thơ gắn với môi trường gia đình đầu đời có ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của con người về sau. Ông đề xuất 5 giai đoạn phát triển tâm lý tính dục mô tả cách thức nhân cách phát triển qua các giai đoạn tuổi thơ. Đồng tính, vì vậy, có mầm mống từ môi trường gia đình, khi các libido (năng lượng tính dục) bị lệch pha, ngã theo hướng đảo giới tính (Đỗ Lai Thúy, 2003).

Trong điện ảnh về chủ đề đồng tính ở châu Á, bối cảnh gia đình xuất hiện nhiều cho thấy sự tác động mạnh mẽ của môi trường này đối với việc hình thành cũng như chấp nhận bản dạng giới của con người. Theo các nhà nghiên cứu về giới, có hai con đường hình thành xu hướng đồng tính: (1) bẩm sinh đã có; (2) bị tác động từ yếu tố bên ngoài. Ở xu hướng thứ nhất, nếu như thừa nhận nguyên nhân đồng tính xuất phát từ gen, bẩm sinh đã có, thì xét về yếu tố giới tính sinh học, ngoài hai giới tính thứ nhất - nam giới, giới tính thứ hai (theo cách nói của Simone de Beauvoir) - nữ giới, thì cần thiết phải thừa nhận giới tính thứ 3 cho những người đồng tính. Các bé trai cư xử nữ tính và các bé gái thể hiện nam tính... là biểu hiện của đồng tính bẩm sinh. Bẩm sinh ở đây khác di truyền vì không nhất thiết là bố hoặc mẹ có gen đồng tính nên con cái mới có xu hướng này, mà vì sự hoạt động đặc biệt của cơ chế gen khi kết hợp giữa bố và mẹ. Vì vậy, nhiều gia đình không chấp nhận được con cái hoặc người thân của mình có xu hướng tính dục lệch pha, trường hợp này xuất hiện trong nhiều bộ phim điện ảnh châu Á, Goodbye Mother (Việt Nam), Dear Ex (Đài Loan) là những trường hợp như vậy. Trong Goodbye Mother, đạo diễn Trịnh Đình Lê Minh đã khai thác môi trường đồng giới giữa Văn và Ian trong bối cảnh một gia đình Việt Nam truyền thống. Việc thừa nhận đồng tính của Văn - cháu đích tôn của gia đình khiến bố mẹ và người

thân bị sốc và cảm cản. Còn trong Dear Ex của đạo diễn Mag Hsu và Hsu Chih-yen, nhân vật người cha còn không dám thừa nhận bản thân là đồng tính, mãi cho đến khi ông qua đời, nhờ vào người nhận khoản tiền bảo hiểm, vợ và con mới phát hiện ra người tình đồng giới và bí mật về giới tính của ông. Ông đã hoàn thành trách nhiệm làm chồng, làm cha, mãi cho đến khi cuối đời mới dám chuyên ra khỏi nhà, “come-out” một cách lặng lẽ với người tình. Vậy nhưng đến khi qua đời, người thân lại cho rằng ông đã lừa dối, vợ ông cáo buộc người đồng tính đã dụ dỗ chồng, phá hoại gia đình mình. Có thể thấy, việc xảy ra mâu thuẫn gia đình khi có người come out là rất phổ biến, bởi không dễ dàng để thừa nhận giới tính bị xem là lệch lạc trong quan niệm truyền thống ở châu Á. So sánh giữa Văn (Goodbye Mother) và người cha (Dear Ex), ta thấy bị kịch có sự tăng tiến. Văn may mắn hơn vì chưa có vợ, con và dám thừa nhận để được sống cuộc đời là chính mình; còn nhân vật người cha thì giấu đi bản sắc, mãi đến cuối đời mới có thể cảm nhận được chút âm áp ngăn ngui của tình yêu đồng giới. Khoảng cách thế hệ và thời đại chính là động lực để vấn đề come out ngày càng trở nên phổ biến hơn. Trong xã hội hiện đại, người trẻ đủ hiểu biết về nhân quyền và đủ bản lĩnh để cất lên tiếng nói thành thực về giới và xu hướng tính dục của mình một cách công khai, không e ngại. Đây là tín hiệu đáng mừng mà thông qua điện ảnh, việc xã hội hóa đồng tính luyến ái càng được quan tâm và đầy hy vọng.

Ở xu hướng thứ hai, bị tác động từ yếu tố bên ngoài, có nghĩa là bản thân sinh ra chưa bị lệch pha về giới tính nhưng vì một hoặc nhiều đã kích từ những người/sự kiện xung quanh mà sinh ra đồng tính luyến ái. Trong môi trường gia đình, nhiều trẻ em phải chịu sự bạo hành từ bố mẹ hoặc người thân, gây ra những ám ảnh tâm lý nghiêm trọng. Những ám ảnh này theo thời gian sẽ trở thành những chấn thương kéo dài cho đến khi trưởng thành, có thể ảnh hưởng đến việc đảo giới tính. Nhiều bộ phim về chủ đề đồng tính ở châu Á khai thác sự tác động từ người thân trong gia đình gây chấn thương tâm lý khiến nhân vật có xu hướng đồng tính, có thể kể đến như: The Handmaiden (Hàn Quốc), Your name engraved herein (Đài Loan). Nhân vật Hideko trong phim The Handmaiden đã được đạo diễn Park Chan-wook xây dựng với một vẻ đẹp ma mị đầy nữ tính. Nhìn bề ngoài, cô ấy là một tiểu thư cành vàng lá ngọc được sống trong lầu đài xa hoa, nhưng thực chất, Hideko chỉ là một công cụ tình dục mua vui cho xã hội thượng lưu nam quyền. Ngay từ bé, Hideko đã bị người dượng bạo hành tinh thần bằng cách ép cô phải đọc sách tình dục, học cách thể hiện sự nữ tính để quyến rũ đàn ông, giúp mua vui và bán những thứ sách dơ bẩn này. Tình dục vốn dĩ không xấu, nhưng qua hành động ép buộc, mua bán, nó lại trở thành ám ảnh tâm lý quá lớn đối với một cô bé như Hideko. Sự thiếu hụt tình yêu thương và che chở từ mẹ, kết hợp với sự tra tấn tinh thần từ người thân đã khiến cô trở nên vô cảm và chấp nhận bản thân trở thành một món hàng của đám đàn ông thượng lưu. Mãi cho đến khi cô gặp cô hầu gái Sook Hee, sự nhẹ nhàng nữ tính mà Hideko nhận được từ Sook Hee đã làm cô nảy sinh một tình cảm lệch pha với phái nữ. Sự tra tấn tinh thần của người dượng và đám quý tộc dơ bẩn khiến cô ghét bỏ đàn ông; sự ân cần chu đáo của Sook Hee khiến cô khao khát yêu và được yêu từ phụ nữ. Tình yêu đồng tính là hệ quả tất yếu của chấn thương tâm lý, là biểu hiện cơ chế tâm lý tự vệ của Hideko trước đàn ông. Còn trong phim Your name engraved herein, đạo diễn Patrick Kuang-Hui Liu lại xây dựng nên một mối tình dở dang giữa hai chàng trai là Gia Hán và Birdy. Birdy thường bị cha ruột xem thường và đánh đập, khiến anh bị ám ảnh mỗi khi về nhà. Những lời nói độc hại và sự bạo lực từ người cha khiến Birdy trở nên yếu đuối, tính cách lập dị bị mọi người xa lánh của anh cũng vì chấn thương tâm lý này mà hình

thành. Gia Hán xuất hiện như nắng mùa hè sưởi ấm những năm tháng rét buốt tâm hồn của Birdy. Lần đầu tiên trong đời, anh có người bảo vệ khỏi trận đòn roi của cha, có người quan tâm, chăm sóc và chấp nhận tính tình éo lá, quái dị của mình. Cảm xúc của hai người, vì vậy, từ tình bạn đã trở thành tình yêu đồng giới.

Có thể thấy, gia đình là môi trường rất quan trọng tác động đến nhân cách và bản sắc giới của con người. Điện ảnh châu Á đã thể hiện nhiều góc khuất tâm lý của người đồng tính nhìn từ các mối quan hệ gia đình. Việc nhận được sự chấp nhận hay kỳ thị từ gia đình có ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển về sau của người đồng tính. Vì vậy, dù là bẩm sinh hay bị tác động mà có xu hướng lệch pha về giới, thông điệp nhân văn nhất mà các đạo diễn mong muốn chuyển tải đến độc giả hiện đại đó là gia đình hãy bao dung cho người thân đồng tính và xã hội hãy nhẹ nhàng với những gia đình có người đồng tính.

3.2.2 Nhìn từ mối quan hệ xã hội

Nếu gia đình là môi trường quan trọng để hình thành nhân cách và bản dạng giới, thì xã hội lại là môi trường quyết định sự phát triển nhân cách và bản dạng giới đó. Như đã nói ở trên, giới tính mang bản chất sinh học, vậy thì cần thiết phải có giới thứ ba cho những người đồng tính bẩm sinh. Nhưng ngoài yếu tố giới tính, yếu tố phái tính lại mang vai trò quyết định luận cho việc trở thành người đồng tính, bởi phái tính được quy định từ văn hóa, xã hội, qua quá trình trưởng thành của con người gắn với các mối quan hệ cộng đồng. Simone de Beauvoir đã nói một câu nói rất nổi tiếng để cho thấy sự quyết định luận giới tính của con người là đến từ định kiến xã hội: “Người ta không sinh ra là đàn bà, người ta trở thành đàn bà”. Theo quan điểm này, việc kỳ thị và phân biệt người đồng tính cũng đến từ định kiến xã hội: người ta trở thành đồng tính. “Đồng tính không gọi tên một trạng thái tồn tại: nó biểu thị một hữu thể (being) thực hiện một số hành vi nhất định nào đó, kể được nhận diện và được phân loại bằng những phạm trù xã hội hơn là những thuộc tính bản chất” (Jeffrey Nealon, Susan Searls Giroux, 2003). Việc bẩm sinh có xu hướng lệch giới không quy định anh là người đồng tính mà người ta chỉ đánh giá anh là đồng tính khi anh hành động, cư xử trong một ngữ cảnh văn hóa đã được quy định giới cụ thể. Định kiến xã hội, vì vậy, chính là rào cản lớn nhất để chấp nhận xu hướng lệch pha trong giới tính (đồng tính) là bình đẳng chứ không phải một mầm bệnh.

Trong điện ảnh châu Á về chủ đề đồng tính, định kiến văn hóa - xã hội là rào cản lớn nhất mà các nhân vật đồng tính không thể vượt qua. Xét từ góc độ hành pháp, cái nhìn về đồng tính của xã hội Tây phương tiên bộ và cởi mở hơn nhiều so với xã hội châu Á. Nhiều quốc gia ở châu Âu và châu Mỹ đã thông qua các định luật về hôn nhân đồng giới, bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người đồng tính. Ở châu Á, các nước tiên phong có thể kể đến Thái Lan, Đài Loan nhưng nhìn chung, đa số vẫn còn tồn tại cái nhìn định kiến về đồng tính. Chính cái nhìn định kiến này khiến cho cuộc sống về vật chất lẫn tinh thần của người đồng tính bị ảnh hưởng trầm trọng. Trong phim *Twilight's kiss* (Hồng Kông), đạo diễn Ray Yeung đã xây dựng một câu lạc bộ đồng tính - là nơi những người đồng tính gặp gỡ, giao lưu và được tự do là chính mình, được giao lưu. Tuy nhiên, câu lạc bộ này hoạt động không công khai trong xã hội, họ là một hội nhóm underground, chẳng ai dám thừa nhận bản sắc của mình. Người duy nhất dám come out với xã hội Hồng Kông lúc bấy giờ là nhân vật Chiu. Ông dũng cảm thừa nhận giới tính và chọn sống một mình không lấy vợ, không sinh con. Hệ quả là khi về già, ông sống cô độc trong một căn phòng âm mốc, không ai dọn dẹp;

đau ốm không ai hỗ trợ, chỉ nhờ vào những người trong CLB đồng tính giúp đi khám bệnh, mua thuốc. Chiu là người duy nhất trong CLB dám công khai giới tính nhưng nhận lại là những ánh mắt khinh miệt, chế giễu từ xã hội, phải chết trong cô độc và nghèo khó. Hay trong phim *Your name engraved herein*, ở phân cảnh 20:45, đạo diễn Patrick Kuang-Hui Liu đã xây dựng hình ảnh một thanh niên mặc váy cưới và hô vang khẩu hiệu ủng hộ hôn nhân đồng giới - lấy nguyên mẫu từ một nhân vật có thật ngoài đời có tên là Kỳ Giai Uy. Thanh niên này nhanh chóng bị cảnh sát bắt và ép phải mặc lại trang phục bình thường. Có thể thấy rằng, dù ngày nay, Đài Loan đã công nhận hôn nhân đồng giới, nhưng để có được thành tựu đó, cộng đồng người đồng tính đã phải trải qua một quá trình đấu tranh đầy khó khăn, đau khổ, thậm chí là mất mát về vật chất, thể chất lẫn tinh thần. Cuộc đấu tranh bình đẳng giới này đã và vẫn đang diễn ra không chỉ ở Đài Loan mà còn nhiều quốc gia ở châu Á và thế giới.

Xét từ góc độ văn hóa, theo văn hóa truyền thống của người Á Đông, việc kết hôn, sinh con là đề duy trì nòi giống “nối dõi tông đường”. Văn hóa dòng họ rất được xem trọng vì quyết định sự tồn vong của một gia tộc, điều này được ghi rõ trong gia phả - sử ký của dòng tộc. Trong phim *Goodbye Mother*, nhân vật Hạnh - mẹ của Văn, ở phân cảnh 38:00, đã có câu thoại: “quan trọng là phải có vợ, có chồng, có con để về già có nơi nương tựa”. Hạnh là một người đàn bà Việt Nam truyền thống, bà sống với trách nhiệm sinh con nối dõi tông đường cho nhà chồng. Văn là cháu đích tôn của dòng họ, bà Hạnh và gia đình đặt trọng trách nối dõi lên Văn. Câu nói của bà Hạnh thể hiện sự kỳ vọng cho con trai, cũng gián tiếp là lời khẳng định quan niệm truyền thống về vấn đề hôn nhân của dân tộc. Đó là lý do khi biết Văn là người đồng tính, bà Hạnh đã rất sốc và chưa thể chấp nhận việc “tuyệt tự tuyệt tôn” của gia đình.

Bên cạnh quan niệm truyền thống của mỗi dân tộc, ở góc độ văn hóa - tôn giáo, vấn đề đồng tính luyến ái vẫn còn là cấm kỵ (taboo) của đa số các tôn giáo lớn. Hôn nhân đồng tính không được chấp nhận và chứng giám ở các tôn giáo như: Do thái giáo, Hồi giáo, Anh giáo tại châu Phi (trừ vùng Nam Phi) và châu Á, Chính thống giáo... Phật giáo và Công giáo là hai tôn giáo có nhiều tín đồ nhất trên thế giới. Phật giáo không đề cập đến việc ủng hộ hay phản đối xu hướng đồng tính, chỉ quy định những người đồng tính không được thọ giới - đi tu. Còn Công giáo thì vẫn còn nhiều tranh cãi giữa ủng hộ và phản đối hôn nhân đồng tính, nhưng nhìn chung vẫn chưa có tiếng nói thừa nhận chính thức từ phía Giáo hội. Trong phim *Your name engraved herein*, Gia Hán và Birdy theo học ở một ngôi trường Công giáo. Quy định của ngôi trường này rất nghiêm ngặt, phải tuân thủ các giáo lý của nhà thờ. Học sinh luôn bị quản thúc và theo dõi sát sao, nếu vi phạm sẽ bị xử phạt bằng đòn roi rất nặng nề. Đồng tính trong ngôi trường này bị coi là bệnh, có thể bị lây nhiễm. Học sinh bị phát hiện là người đồng tính sẽ bị phân biệt đối xử, thậm chí là tác động vật lý dẫn đến bạo lực học đường. Dù trong môi trường cấm kỵ như vậy, Gia Hán vẫn mạnh mẽ thừa nhận mình là người đồng tính. Cha sứ Oliver - cũng là một người đồng tính nhưng luôn tìm cách chối bỏ bản sắc - đã mượn lời dạy của Chúa để khuyên răn Gia Hán như một cách chữa trị “căn bệnh đồng tính” của chính mình. Những câu thoại của Gia Hán với cha sứ Oliver ở phân cảnh 58:22 đã đặt ra câu hỏi phản biện đầy suy ngẫm về tình yêu đồng giới: “Vậy là Cha có thể thích con gái, còn con không thể thích con trai? Tình yêu của Cha lớn hơn của con ư? Tình yêu của Cha và của con khác nhau chỗ nào? Nói con nghe sự khác biệt đi?”. Sự khác biệt mà Gia Hán nói đến từ định kiến về tôn giáo và xã hội. Tình yêu vốn không sai, nhưng đối tượng để yêu, theo tâm lý đám đông, là “bệnh hoạn”. Đỉnh điểm của sự tuyệt vọng là khi Gia Hán đau khổ thét

lên: “Con thà xuống địa ngục còn hơn. Không phải ai đồng tính cũng phải xuống địa ngục sao? Có lẽ nhiều người ở địa ngục sẽ hiểu con hơn. Dưới đó sẽ dễ dàng hơn với con, giúp con xuống đó đi”. Câu nói của Gia Hán như thức tỉnh cha sứ Oliver, bản thân ông cũng đang rơi vào bi kịch giữa đức tin và bản ngã, giữa trách nhiệm và tình yêu. Bi kịch của Gia Hán và cha sứ Oliver cũng là bi kịch chung của người đồng tính, họ nỗ lực để được chấp nhận nhưng xã hội và tôn giáo lại xem họ là những “con bệnh” và khước từ quyền được yêu, được sống là chính mình của họ.

3.2.3 Nhìn từ tình yêu

Vladimir Soloviev - triết gia nổi tiếng người Nga - tác giả của bộ sách Siêu lý tình yêu - đã khẳng định rằng con người ta khi yêu đều mang “bản nguyên thần thánh”. Tình yêu dù vô hình nhưng có sức mạnh vô biên, giúp con người có thể “vượt mình” làm nên những điều phi thường. Đối với người đồng tính, tình yêu là cứu cánh, cũng là động lực để họ công khai bản sắc với gia đình và vượt qua định kiến của xã hội. Trong các phim điện ảnh châu Á về chủ đề đồng tính được khảo sát, hầu như, tình yêu đồng giới đều là nút thắt để dẫn đến cao trào của cốt truyện. Mỗi câu chuyện là một kiểu yêu khác nhau, có rung động, có khát khao, có dờ dang, cũng có hạnh phúc... nhưng điểm chung của tình yêu đồng tính đó là đều phải trải qua đau khổ - nỗi đau đến từ gia đình, xã hội hoặc đơn giản là từ chính sự yếu đuối không dám thừa nhận bản sắc của chính bản thân chủ thể.

Việc xã hội quy chụp đồng tính là xu hướng tính dục lệch lạc, là một “mầm bệnh” khiến cho nhiều người đồng tính tự ái và sợ hãi, họ thu mình trong vỏ bọc của một con người bình thường. Tình yêu đồng giới, vì vậy, cũng bị rào cản của trách nhiệm với gia đình, nghĩa vụ với xã hội kìm hãm lại. Trong các bộ phim Dear Ex (Đài Loan), Twilight’s kiss (Hong Kong), các nhân vật đồng tính đều “sống khác bản thân” (từ của nhà thơ Lê Thu), kết hôn và sinh con, cố gắng quên đi bản sắc và hoà nhập với xã hội. Chiếc mặt nạ mà họ đeo để hoàn thành vở kịch lớn của cuộc đời thật nghiệt ngã, sâu thẳm bên trong, họ vẫn mong muốn, dù một lần thôi, được sống là chính mình. Sự quyết định come out ở tuổi xế chiều của các nhân vật trong phim, dù muộn màng nhưng phần nào đã an ủi được tâm hồn khát khao được yêu, được sống là chính mình của họ. Nhân vật người cha trong Dear Ex chỉ buông bỏ chiếc mặt nạ vào lúc cuối đời, khi phát hiện ra mình bị căn bệnh nan y. Có lẽ, chỉ trong khoảnh khắc nhận ra sự sống đã gần cạn kiệt, người chồng, người cha ấy mới cho phép bản thân được phép làm chính mình - người đồng tính. Việc chuyển ra khỏi nhà để được sống, được yêu những ngày cuối đời của người cha như một sự giải thoát để tìm lại con người nguyên sơ nhất mà ông đã che giấu, chối bỏ suốt cuộc đời. Khi ông chết, ông để lại khoản tiền bảo hiểm cho Jay - người tình đồng giới của mình vì Jay đã đi vay nặng lãi để lấy tiền chi trả cho ca phẫu thuật cấy gan của ông. Tình yêu giữa người cha và Jay chỉ diễn ra ở khoảng thời gian ngắn khi về già, nhưng họ vẫn trân trọng và dành hết những gì tốt đẹp nhất cho nhau. Ở phân cảnh 36:36, những hình ảnh Jay chăm sóc người cha lúc cuối đời cho thấy tình yêu của họ rất sâu đậm và chân thành. Hơn cả yêu, họ thấu hiểu xúc cảm và bản sắc của nhau, trên cả tinh thần là tình tri kỷ. Tình yêu, nỗi đau, sự hy sinh của họ đã cảm hóa được những người xung quanh. Người vợ đã không đòi lại số tiền bảo hiểm, còn người con thì cuối cùng cũng thấu hiểu và tha thứ cho cha của mình: “Rất nhiều năm sau, lúc cuối đời ông ấy chọn làm chính mình” (phân cảnh 48:26 trong phim Dear Ex). Trong phim Twilight’s kiss, Pak và Hoi cũng là những người đồng tính “sống khác bản thân” để đóng kịch giữa cuộc đời. Họ đều

có gia đình, có con, cháu. Ở tuổi 70, họ tình cờ gặp nhau trong câu lạc bộ đồng tính khi đi làm thiện nguyện. Cả hai nhanh chóng trở nên thân thiết và phát triển một mối quan hệ tình cảm lãng mạn. Phân cảnh Pak cùng Hoi - hai người đàn ông tuổi xế chiều cùng nhau đi chợ, cùng nhau nấu ăn và dùng bữa tối là những thước phim bình yên và hạnh phúc hiếm hoi của người đồng tính trước khi họ phải đối diện với hiện thực phũ phàng. Những cảm xúc bị dồn nén suốt cả cuộc đời cuối cùng cũng được giải phóng trong tình yêu. Nhưng trời luôn đẹp trước ngày bão đến, dù cảm xúc dành cho nhau sâu đậm, họ đều nhận thức rõ ràng bản thân phải đối diện với sự khác biệt giữa tình yêu và nghĩa vụ gia đình. Pak muốn giữ kín mối quan hệ này để không làm tổn thương gia đình, trong khi Hoi lại mơ ước về việc tạo ra một cuộc sống chung cho cả hai người trong những năm cuối đời. Cuối cùng, tình yêu dù lớn vẫn không thắng được trách nhiệm gia đình và định kiến xã hội, họ chia tay và không còn gặp lại.

Đối với nhiều người đồng tính, việc chấp nhận bản sắc cá nhân đã là một điều khó khăn, họ chối bỏ căn cước giới tính của chính mình, vì vậy, tình yêu đồng giới là thứ quá xa xỉ mà họ không dám nghĩ đến. Thế nhưng, tình yêu luôn biết cách len vào trái tim và xoa dịu nỗi đau một cách thần kỳ. Dù kết quả có là chia xa, có là đau khổ thì chính tình yêu đã cứu cánh cho những tâm hồn u uất và tuyệt vọng như trường hợp Hideko trong phim *The Handmaiden*, Birdy trong *Your name engraved herein*. Câu thoại của Hideko dành cho Sook Hee trong phim: “Con gái của một tướng cướp là một kẻ lừa đảo, một tên trộm nhưng lại là người nắm lấy tay tôi, cứu rỗi tôi, Sook Hee của tôi”; hay của Birdy dành cho Gia Hán: “Năm đó tôi thực sự đã rất yêu cậu!” đã cho thấy sự cứu rỗi của tình yêu giúp người đồng tính có thêm niềm tin và nghị lực để sống tiếp. Tình yêu còn có sức cảm hóa cả những điều tưởng như là “tuyệt đối” trong tư tưởng đó là trường hợp cha xứ Oliver (trong phim *Your name engraved herein*) khi đã dám làm trái lại giáo lý của Chúa, đi ngược với đức tin để được sống cùng người tình những tháng năm cuối đời.

Trong điện ảnh đồng tính châu Á, không phải tình yêu đồng giới nào cũng kết thúc bi kịch. Đã có những nhân vật dũng cảm đấu tranh cho bản sắc giới và xu hướng tính dục của mình. Những nhân vật như Văn và Ian trong *Goodbye Mother*, Gia Hán trong *Your name engraved herein*, Imagase Wataru trong *The cornered mouse dreams of cheese* (Nhật Bản) đã cho thấy bản sắc đồng tính và tình yêu đồng giới không hề sai trái, lệch lạc. Họ đã chứng minh rằng tình yêu đủ sức mạnh đưa bản sắc giới ra ánh sáng, cũng đủ nhân văn để cảm hóa gia đình và xã hội: “Yêu một người, dù chỉ một lần, là đủ để làm thay đổi cả cuộc đời!” (trích phim *The cornered mouse dreams of cheese*).

Mặc dù phần lớn phim trong mẫu khảo sát vẫn đặt trọng tâm vào khổ đau và “va đập” với định kiến, nhưng có thể nhận thấy, xu hướng biểu đạt tích cực về vấn đề đồng tính đang gia tăng. Ngay trong các tác phẩm phim được phân tích, có thể nhận thấy:

+ *The Handmaiden* (Hàn Quốc) phát triển tuyến giải phóng - đoàn tụ; chuyển từ không gian cưỡng bức nam quyền sang chủ thể hóa ham muốn nữ, với kết thúc giải thoát.

+ *Goodbye Mother* (Việt Nam) lựa chọn giọng điệu âm áp, mở ra khả thể hòa giải giữa chủ thể đồng tính và gia đình Việt Nam truyền thống.

+ *Dear Ex* (Đài Loan) dù xuất phát từ xung đột, đã kết thúc bằng hiểu và tha thứ, gợi một hình dung gia đình mở.

Những biểu đạt này song hành với các thay đổi về diễn ngôn công và tư trong xã hội đương đại, giúp điện ảnh dịch chuyển từ “khổ nạn luận” sang khẳng định phẩm giá, làm dày thêm phổ biểu đạt của điện ảnh đồng tính châu Á.

4. KẾT LUẬN

Điện ảnh châu Á về chủ đề đồng tính trong những năm gần đây đã có nhiều khởi sắc đáng ghi nhận. Qua việc khảo sát một số phim điện ảnh nổi bật trong khoảng 5-10 năm trở lại đây ở châu Á, tham luận đã khai thác vấn đề đồng tính nhìn từ các mối quan hệ tương tác bộc lộ bản sắc giới và xu hướng tính dục đó là gia đình, xã hội và tình yêu. Phê bình điện ảnh, tất nhiên, không chỉ dừng lại ở việc cảm nhận và phân tích nội dung phim, nhưng trong khuôn khổ giới hạn, tham luận không ôm đồm nghiên cứu các thủ pháp của nghệ thuật điện ảnh. Những gì còn bỏ ngỏ, xin hứa hẹn cho những nghiên cứu về sau. Cái đọng lại cuối cùng chính là niềm tin và hy vọng về một xã hội văn minh, bình đẳng cho người đồng tính nói riêng và cộng đồng LGBTQ+ nói chung ở châu Á và cả thế giới. Xin mượn một câu thoại mang tính chất tuyên ngôn của người đồng tính trong phim *Twilight's Kiss* để kết thúc vấn đề: “Xã hội chính thống coi chúng ta là thiểu số! Khi chúng ta còn trẻ chúng ta che giấu xu hướng của mình. Chúng ta cố gắng vì gia đình, cha mẹ và sự nghiệp, những người khác thậm chí phải kết hôn để xã hội thấy chúng tôi “thẳng” và “bình thường” cho đến khi già đi chúng ta vẫn không thể là chính mình. Chúng ta cần phải có một viện dưỡng lão dành cho người đồng tính, để có thể sống nương tựa vào nhau như “nhưng con chim cùng màu lông đàn lại với nhau” những người cùng xu hướng, sở thích sẽ cùng nhau tận hưởng tuổi già. Để chúng ta có thể sống với những năm tháng hoàng hôn đầy phẩm giá và tự do”.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Decision Lab. (2024). Redefining Vietnamese social media consumption.
2. Hieu, L. Q. (2016). *An overview of the history and trends in the approach to homosexuality in cinema*. Song Huong magazine, No. 9.
3. Jeffrey Nealon, Susan Searls Giroux. (2003). “*Queer*”, in *The Theory Toolbox: Critical Concepts for the Humanities*. Arts & Social Sciences. US: Rowman & Littlefield.
4. Nguyen Thi Thuan, Tran Xuan Ky. (2009). *Curriculum on gender and development*. Social Publishing House. Hanoi.
5. Thuy, D. T. (2003). *Psychology and love*. Van hoa thông tin Publishing House. Hanoi (in Vietnamese).

THÔNG TIN CÁC PHIM ĐÃ KHẢO SÁT

1. *The Handmaiden* (2016)

Nation: Korea

Director: Park Chan-wook

2. *Dear Ex (2018)*

Nation: Taiwan

Director: Mag Hsu và Hsu Chih-yen

3. *Goodbye Mother (2019)*

Nation: Vietnam

Director: Trịnh Đình Lê Minh

4. *Twilight's kiss (2019)*

Nation: Hong Kong

Director: Ray Yeung

5. *Your name engraved herein (2020)*

Nation: Taiwan

Director: Patrick Kuang-Hui Liu

6. *The cornered mouse dreams of cheese (2020)*

Nation: Japan

Director: Yukisada Isao

ABSTRACT

Homosexuality remains a sensitive issue in Asia, where traditional gender norms often stigmatize the disclosure of sexual identity and same-sex love. However, with the rise of digital technologies, homosexual voices have become more accessible to the public and are increasingly received with openness and acceptance. Cinema serves as an important medium that reflects the pain and aspirations of homosexual individuals to live, love, and be recognized, while also illustrating shifting social attitudes. This article examines selected Asian films on homosexuality through three key interactive relationships: family, society, and love. The analysis shows that while many works continue to portray conflicts and prejudices, more positive representations of understanding and acceptance have emerged. The study thus highlights the socio-cultural conditions shaping the possibility of “coming out” and identifies a cinematic shift from tragic motifs to narratives that affirm identity and dignity.

Keywords: *Cinema, Asia, homosexuality, gender theory, sexual orientation, interactive relationships*